

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – BẮC NINH
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 04-7-2025

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yến;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Đình Tư;

2. Ông Đào Mạnh Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Tuấn – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Ngày 04 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 258/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2025 (thụ lý số mới 35/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2025) về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/5/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16/6/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Đặng Văn Đ, sinh năm 1990 (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Trần Thị M, sinh năm 1994 (vắng mặt, không có lý do)

Đều cư trú: thôn T, xã Q, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (nay là thôn T, phường T, tỉnh Bắc Ninh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ghi ngày 26 tháng 02 năm 2025, bản tự khai ghi ngày 22 tháng 4 năm 2025, nguyên đơn anh Đặng Văn Đ trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Trần Thị M ngày 22/4/2014, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, thành phố B (nay là phường T, tỉnh Bắc Ninh). Trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, vợ chồng lấy nhau tự nguyện, không bị ai ép buộc, khi cưới được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới hỏi theo

phong tục tập quán địa phương. Ngay sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống cùng gia đình anh tại thôn T, xã Q, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (nay là thôn T, phường T, tỉnh Bắc Ninh). Thời gian đầu, vợ chồng anh chung sống hạnh phúc. Đến khoảng giữa năm 2024, chị M đi nước ngoài, giữa vợ chồng anh đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng và bất đồng quan điểm. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng về nhiều vấn đề trong cuộc sống. Sau khi chị M trở về thì vợ chồng anh tuy sống chung một nhà nhưng không quan tâm gì đến nhau, mỗi người tự lo cuộc sống của riêng mình, tình cảm xa cách, vợ chồng không thể bao dung, nhường nhịn nhau. Nay anh nhận thấy vợ chồng mâu thuẫn rất trầm trọng, không thể hoà giải, đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy anh giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị M.

- Về con chung: Anh và chị M có 02 con chung tên Đặng Văn P, sinh ngày 12/01/2016 và Đặng Khánh N, sinh ngày 19/3/2018. Hiện nay, cả hai cháu đang sinh sống cùng với anh. Ly hôn, vợ chồng anh thống nhất thỏa thuận anh được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung. Về vấn đề cấp dưỡng thì vợ chồng anh tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Anh xác định vợ chồng anh không có tài sản chung, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Bản trình bày ý kiến ngày 04/5/2025, chị Trần Thị M trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị nhất trí với trình bày của anh Đ về thời gian kết hôn, vợ chồng chị có đăng ký kết hôn ngày 22/4/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Q, thành phố B (nay là phường T, tỉnh Bắc Ninh). Trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, vợ chồng lấy nhau tự nguyện, không bị ai ép buộc, khi cưới được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Ngay sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống cùng gia đình anh Đ tại thôn T, xã Q, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (nay là thôn T, phường T, tỉnh Bắc Ninh). Trong thời gian chung sống, vợ chồng chị thường xuyên phát sinh những mâu thuẫn, không thể hòa hợp. Nay anh Đ có đơn xin ly hôn thì chị đồng ý.

- Về con chung: Chị và anh Đ có 02 con chung tên Đặng Văn P, sinh ngày 12/01/2016 và Đặng Khánh N, sinh ngày 19/3/2018. Hiện nay, cả hai cháu đang sinh sống cùng anh Đ. Ly hôn, chị đồng ý giao hai cháu cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị xác định vợ chồng chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Biên bản xác minh ngày 30/5/2025, bà Đào Thị M1 là Trưởng thôn T đã cung cấp thông tin như sau:*

Anh Đặng Văn Đ và chị Trần Thị M là vợ chồng hợp pháp. Anh Đ và chị M thường xuyên có mâu thuẫn, chị M không quan tâm, chăm sóc gia đình, thường xuyên bỏ nhà đi rồi lại quay về, đi đâu thì bà không biết. Anh Đ là thanh

niên gương mẫu, tiêu biểu của địa phương nhưng chị M lại bỏ bê gia đình, không quan tâm đến chồng con.

* Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của cháu Đặng Văn P và Đặng Khánh N là con chung của anh Đ và chị M, hai cháu trình bày hiện hai cháu đang sinh sống cùng bố, bố là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu. Bố mẹ ly hôn, hai cháu có nguyện vọng được sinh sống cùng với bố.

* Tòa án đã tiến hành mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng do chị M vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho chị M. Do chị M không có mặt tại địa phương nên Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng cho chị M theo quy định của pháp luật.

* Tại phiên tòa ngày 16/6/2025, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

* Tại phiên tòa ngày 04/7/2025:

- Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Bắc Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Đặng Văn Đ được ly hôn chị Trần Thị M.

2. Về con chung: Giao cho anh Đặng Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là Đặng Văn P, sinh ngày 12/01/2016 và Đặng Khánh N, sinh ngày 19/3/2018. Về cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Trần Thị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở chị M thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

3. Về án phí: Anh Đặng Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh Đ đã nộp.

4. Kiến nghị, khắc phục: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Anh Đặng Văn Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp con chung với chị Trần Thị M. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, cụ thể là tranh chấp về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực theo quy định tại mục 2 Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án (có hiệu lực từ ngày 01/7/2025). Do bị đơn cư trú tại phường T, tỉnh Bắc Ninh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

[1.3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Bị đơn không có yêu cầu phản tố. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

- Anh Đặng Văn Đoàn kết H với chị Trần Thị M ngày ngày 22/4/2014, (là thời điểm thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000), kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, thành phố B (nay là phường T, tỉnh Bắc Ninh) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn, là hôn nhân hợp pháp đúng với quy định tại Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

Quá trình chung sống, Hội đồng xét xử thấy anh Đ và chị M đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trong sinh hoạt, cuộc sống vợ chồng, tình cảm xa cách, lối sống vợ chồng không thể bao dung, nhường nhịn nhau. Hiện chị M và anh Đ không sinh sống cùng nhau. Anh Đ có đơn xin ly hôn chị M đồng ý. Do vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng anh Đ chị M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để xử cho anh Đ được ly hôn chị M là phù hợp với quy định pháp luật.

[2.2] Về yêu cầu giải quyết con chung của nguyên đơn: Anh Đ yêu cầu Tòa án giao cho anh được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Đặng Văn P, sinh ngày 12/01/2016 và cháu Đặng Khánh N, sinh ngày 19/3/2018. Hội đồng xét xử thấy: Tại thời điểm Tòa án giải quyết ly hôn giữa anh Đ và chị M thì cháu P và cháu N đang sinh sống cùng anh Đ, anh Đ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P và cháu N, chị M cũng đồng ý giao cháu P và cháu N cho anh Đ nuôi dưỡng, chăm sóc. Xét thấy sự thỏa thuận của anh Đ và chị M là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật và đạo đức xã hội, đồng thời đảm bảo ổn định chỗ ở, học tập, tâm sinh lý, quyền lợi của con được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục tốt nhất sau khi bố mẹ ly hôn nên cần giao cháu Đặng Văn P và Đặng Khánh N cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Sau khi ly hôn, chị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở chị T thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Đ và chị M tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Đặng Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh G đã nộp.

[2.6] Về công sức đóng góp: Chị M không yêu cầu giải quyết về công sức đóng góp trong thời gian vợ chồng chung sống với gia đình anh Đ nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.7] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào mục 2 Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Văn Đ được ly hôn chị Trần Thị M.

2. Về con chung: Giao cho anh Đặng Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đặng Văn P, sinh ngày 12/01/2016 và cháu Đặng Khánh N, sinh ngày 19/3/2018 đến khi cháu P và cháu N đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Chị Trần Thị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được cản trở chị M thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

3. Về án phí: Anh Đặng Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh Đ đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002612 ngày 17 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 – Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh). Xác nhận anh Đ đã thi hành xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Đặng Văn Đ, chị Trần Thị M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND Khu vực 1 – Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- UBND phường Tân An, tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng THADS Khu vực 1 – Bắc Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hải Yến